

Quốc hội kêu gọi đồng bào, chiến sĩ cả nước, đồng bào ta ở nước ngoài nêu cao tinh thần yêu nước, đoàn kết một lòng, tự lực, tự cường, cần kiệm xây dựng đất nước, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm 2002, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XI, kỳ họp thứ nhất thông qua ngày 12 tháng 8 năm 2002.1.

Chủ tịch Quốc hội

NGUYỄN VĂN AN

CHÍNH PHỦ

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 76/2002/NĐ-CP ngày 13/9/2002 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2000/NĐ-CP ngày 29/12/2000 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng số 02/1997/QH9 ngày 10 tháng 5 năm 1997;

Căn cứ điểm 1 Mục II Nghị quyết số 50/2001/QH10 ngày 29 tháng 11 năm 2001 của Quốc hội Khóa X, kỳ họp thứ 10 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2002;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2000/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2000 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng như sau:

1. Sửa đổi khoản 20 Điều 4 quy định về đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng như sau:

“20. Hàng hóa nhập khẩu trong các trường hợp sau: hàng viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại; quà tặng cho các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân; quà biếu, quà tặng cho cá nhân ở Việt Nam theo mức quy định của Chính phủ; đồ dùng của các tổ chức, cá nhân nước ngoài theo tiêu chuẩn miễn trừ ngoại giao; hàng mang theo người trong tiêu chuẩn hành lý miễn thuế, đồ dùng của người Việt Nam sống ở nước ngoài khi về nước mang theo. Hàng nhập khẩu trong các trường hợp trên đây được xác định theo chế độ Nhà nước quy định.

Hàng bán cho các tổ chức quốc tế, người nước ngoài để viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam; các dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 7 quy định về thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

“1. Mức thuế suất 0% đối với: hàng hóa xuất khẩu, bao gồm hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt xuất khẩu, hàng gia công xuất khẩu; sửa chữa máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải cho nước ngoài; phần mềm máy tính xuất khẩu, dịch vụ xuất khẩu lao động; hoạt động xây dựng, lắp đặt ở nước ngoài và cho doanh nghiệp chế xuất.

Xuất khẩu bao gồm xuất khẩu ra nước ngoài, xuất khẩu vào khu chế xuất hoặc xuất khẩu cho doanh nghiệp chế xuất và trường hợp cụ thể khác

được coi là xuất khẩu theo quy định của Chính phủ.

Cơ sở kinh doanh xuất khẩu các hàng hóa, dịch vụ trên đây được áp dụng mức thuế suất 0% phải thực hiện đầy đủ các thủ tục, hồ sơ quy định đối với xuất khẩu và phải thanh toán tiền bán hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu qua ngân hàng”.

3. Sửa đổi điểm d khoản 1 Điều 9 quy định về khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào như sau:

“d) Các cơ sở sản xuất, kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế được tính khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào tỷ lệ 1% tính trên giá hàng hóa, dịch vụ mua vào không có hóa đơn giá trị gia tăng đối với:

- Hàng hóa là nông sản, lâm sản, thủy sản chưa qua chế biến; đất; đá; cát; sỏi và các loại phế liệu mua vào không có hóa đơn. Cơ sở kinh doanh thu mua các mặt hàng trên phải lập chứng từ thu mua và bảng kê theo hướng dẫn của cơ quan thuế.

- Hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng mua của cơ sở sản xuất, kinh doanh nộp thuế theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng có hóa đơn bán hàng; hàng hóa là nông sản, lâm sản, thủy sản chưa qua chế biến mua của các cơ sở sản xuất có hóa đơn giá trị gia tăng nhưng thuộc diện không chịu thuế giá trị gia tăng khâu sản xuất; hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt cơ sở kinh doanh thương mại mua của cơ sở sản xuất để bán; tiền bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 15 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đã nộp như sau:

“5. Tổ chức ở Việt Nam sử dụng tiền viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại của tổ chức, cá nhân nước ngoài mua hàng hóa tại Việt Nam để viện trợ; đối tượng được hưởng ưu đãi miễn trừ ngoại giao theo quy định của Pháp lệnh về ưu đãi miễn trừ ngoại giao mua hàng hóa, dịch vụ tại

Việt Nam để sử dụng được hoàn lại số thuế giá trị gia tăng đã trả ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng”.

Điều 2. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2002.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định này.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ

Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CHỈ THỊ của Thủ tướng Chính phủ 19/2002/CT-TTg ngày 13/9/2002 về tăng cường công tác quản lý thuế giá trị gia tăng.

Qua hơn 3 năm thực hiện, Luật Thuế giá trị gia tăng đã phát huy tác dụng tích cực, khắc phục được nhược điểm thu trùng lặp qua các khâu kinh doanh của Luật Thuế doanh thu trước đây; đồng thời khuyến khích đầu tư phát triển sản xuất, khuyến khích xuất khẩu.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, một số tổ chức, cá nhân đã lợi dụng một số quy định chưa chặt chẽ của Luật Thuế giá trị gia tăng và Luật Doanh nghiệp để lập hồ sơ khống về hàng hóa xuất khẩu, lập doanh nghiệp để buôn bán hóa đơn nhằm thực hiện hành vi gian lận, chiếm đoạt